Chi tiết mã HS 9619.00.99

Mã HS	9619.00.99
Mô tả hàng hóa	Băng vệ sinh (miếng) và băng vệ sinh dạng ống (tampon), khăn (bỉm), tã lót và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:17:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96190099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18999
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18999
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18999
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18274
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18203
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18203
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18203
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18203
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18203
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18203
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E18259
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18259
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18259
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18259
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18259
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18260
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18260
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18260
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18260
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18260
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18260
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18265
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18222
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18217
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18217
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18217
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18217
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18217
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18217
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18265
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18265
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18265
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18265
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18265
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18265
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18329
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18329
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18329
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18329
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18329
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18303
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18303
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18303
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18303
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18303
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18303
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D18296
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E18296
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F18296
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G18296
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H18296
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18296
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D18326
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18326
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18326
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18326
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18326
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18326
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D18325
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18325
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18325
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18325
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18325
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18419
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18419
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18419
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18419
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18419
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18419
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18419
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18290
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18290
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18290
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18290
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18290
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18290
RCEP B	2022	2022	0	B!D18290
RCEP B	2023	2023	0	B!E18290
RCEP B	2024	2024	0	B!F18290
RCEP B	2025	2025	0	B!G18290
RCEP B	2026	2026	0	B!H18290
RCEP B	2027	2027	0	B!I18290
RCEP C	2022	2022	0	C!D18288
RCEP C	2023	2023	0	C!E18288
RCEP C	2024	2024	0	C!F18288
RCEP C	2025	2025	0	C!G18288
RCEP C	2026	2026	0	C!H18288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18288
RCEP D	2022	2022	0	D!D18287
RCEP D	2023	2023	0	D!E18287
RCEP D	2024	2024	0	D!F18287
RCEP D	2025	2025	0	D!G18287
RCEP D	2026	2026	0	D!H18287
RCEP D	2027	2027	0	D!I18287
RCEP E	2022	2022	0	E!D18292
RCEP E	2023	2023	0	E!E18292
RCEP E	2024	2024	0	E!F18292
RCEP E	2025	2025	0	E!G18292
RCEP E	2026	2026	0	E!H18292
RCEP E	2027	2027	0	E!I18292
RCEP F	2022	2022	0	F!D18290
RCEP F	2023	2023	0	F!E18290
RCEP F	2024	2024	0	F!F18290
RCEP F	2025	2025	0	F!G18290
RCEP F	2026	2026	0	F!H18290
RCEP F	2027	2027	0	F!I18290
VIFTA	2024	2024	16	VI!F17141
VIFTA	2025	2025	12	VI!G17141
VIFTA	2026	2026	8	VI!H17141
VIFTA	2027	2027	4	VI!I17141

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9619.00 có 8 dòng thuế; dòng 9619.00.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9619.00.11 Lõi thấm hút bằng vật liệu dệt; 9619.00.12 Băng vệ sinh (miếng) và băng vệ sinh dạng ống (tampons) từ giấy, bột giấy, tấm xơ sợi xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; 9619.00.13 Bỉm và miếng lót vệ sinh trẻ em từ giấy, bột giấy, tấm xơ sợi xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; 9619.00.14 Loại khác, từ giấy, bột giấy, tấm xơ sợi xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; 9619.00.19 Loại khác; 9619.00.92 Băng vệ sinh (miếng)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9619.00.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9619.00.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18999), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.